TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HS-ST
Ngày 19 - 6 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Toà án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mát - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Đức M, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1994 tại Hưng Yên; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: phường S, quận H, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Sinh H, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Xuân H, sinh năm 1963; có vợ là Bùi Thị Phương T, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2010; tiền án: Án số 197/2013/HSST ngày 20/12/2013, Tòa án nhân dân Quận Lê Chân xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (chưa xóa); nhân thân: Án số 47/2011/HSST ngày 28/6/2011, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xử 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 18 ngày về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã xóa); bị bắt tạm giữ ngày 20/12/2017, tạm giam ngày 26/12/2017; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h ngày 20/12/2017, Tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng phát hiện bắt quả tang Phạm Đức M đang có hành vi bán ma túy cho đối tượng tên L tại khu vực đối diện nhà số 750 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng. Tiến hành kiểm tra, đã thu giữ tại túi quần phía trước bên trái của M chiếc ví giả da màu nâu bên trong có 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng và 01 thẻ căn cước công dân, 01 đăng kí xe, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Đức M, thu giữ trên tay phải của M 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng. Ngoài ra, còn thu giữ 01 xe máy biển kiểm soát 15B2-307.65 và 01 điện thoại di động Nokia màu đen. Tổ công tác đã dẫn giải M cùng vật chứng về trụ sở Công an phường Niệm Nghĩa lập biên bản giải quyết. Trong khi bắt giữ M thì L đã chạy thoát.

Tại Kết luận giám định số 1173/KLGĐ ngày 25/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon thu giữ của M có trọng lượng 0,2412 gam, là loại Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Đức M khai: Vào khoảng 13h ngày 20/12/2017, L là bạn ngoài xã hội không biết địa chỉ đã điện thoại cho M hỏi mua 300.000đồng ma túy đá, M đồng ý và hẹn điểm giao ma túy tại khu vực chân cầu An Đồng, phường Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng. Sau đó, M điều khiển xe máy biển kiểm soát 15B2-307.65 đến khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn mua của 01 người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy đá với giá 250.000đồng. Sau khi mua xong, M cất gói ma túy vào trong ví để ở túi quần bên trái phía trước rồi đi đến điểm hẹn. Đến nơi, M vừa nhận của L 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng và đang định đưa ma túy và trả lại tiền thừa cho L thì bị lực lượng Công an bắt giữ cùng vật chứng.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B2-307.65 thu giữ của M, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Xuân Hường (là mẹ đẻ của M) mua từ năm 2016, do không có chứng minh nhân dân nên bà đã nhờ M đứng tên. Ngày 20/12/2017, M mượn xe của bà Hường chỉ nói là đi có việc, bà không biết M sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe và đăng ký cho bà Hường.

Đối với nam giới bán ma túy cho M và đối tượng tên L là người mua ma túy của M, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở để điều tra.

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 28 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân đã truy tố bị cáo Phạm Đức M phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Đức M mức án từ 36 đến 42 tháng tù về Mua bán trái phép chất ma túy. Do bị cáo không nghề nghiệp, không thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong lượng ma túy còn lại sau giám định;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có;

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ thu giữ của bị cáo;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Đức M.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng, báo cáo bắt giữ, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 20/12/2017 tại khu vực đối diện nhà số 750 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng, bị cáo Phạm Đức M đã có hành vi cất giữ trái phép 0,2412gam là loại Methamphetamine với mục đích để bán lại cho người khác kiếm

lời. Do vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Đức M phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nhưng đến sau ngày 01/01/2018 mới bị xét xử sơ thẩm; do tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 là giống nhau nên theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, làm suy thoái đạo đức, lối sống và là nguyên nhân làm phát sinh những tội phạm khác. Methamphetamine là chất ma tuý rất độc, được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo yêu cầu điều trị nhưng do hám lời bị cáo đã bất chấp pháp luật, cất giữ trái phép để bán lại cho người khác, tội phạm bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và quyết tâm phạm tội cao nên cần xét xử bị cáo một mức án nghiêm, bắt cách ly xã hội một một thời gian đề cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Hành vi của bị cáo có tính vụ lợi nhưng do bị cáo không nghề nghiệp, không thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Số ma tuý cơ quan Công an thu giữ, sau khi lấy đi giám định lượng còn lại xét là vật cấm lưu hành nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu huỷ;

Đối với số tiền 500.000đồng thu giữ của bị cáo là do phạm tội mà có nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Đối với 01 điện thoại di động Nokia thu giữ của bị cáo, bị cáo đã sử dụng để giao dịch mua bán ma túy, xét là công cụ, phương tiện phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 200.000đồng thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Đức M, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo sử dụng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Phạm Đức M 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Về xử lý tang vật: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong lượng ma túy còn lại sau giám định.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có;

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia thu giữ của bị cáo.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Đức M.

(Theo đúng Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ

thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND Quận Lê Chân;
- Chi cục THADS Quận Lê Chân;
- Trại tạm giam TP Hải Phòng;
- Công an Quận Lê Chân;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương